臺大醫院住院同意書

Bệnh viện Đại học Y Đài Loan - Giấy đồng ý nằm viện

年　　月　　日

Ngày(D)　tháng(M)　năm(Y)

住院人_____因醫療需要入住貴院病房，本人（立同意書人）同意遵守下列有關規定及說明：

Người nằm viện _____, do nhu cầu trị bệnh nên cần ở nội trú tại quý bệnh viện, nay tôi (người ký giấy) đồng ý tuân thủ các quy định và nội dung thuyết minh dưới đây:

一、 詳讀並遵守住院須知及同意書所列規定，並配合醫護人員的醫療指示。

I. Đọc kỹ và tuân thủ các quy định nằm viện và các điều khoản trong Giấy đồng ý này, đồng thời tuân theo chỉ dẫn y tế của các nhân viên y tế.

二、 同意繳納住院期間發生之一切費用，包含全民健保規定之部分負擔費用、差額費用及其他自費項目。如有滯納或欠款等情事，概由住院人及立同意書人連帶負責清償。

II. Đồng ý nộp tất cả các loại chi phí phát sinh trong thời gian nằm viện, bao gồm một phần chi phí tự túc do Bảo hiểm Y tế quy định, khoản tiền chênh lệch và các khoản phí điều trị tự túc khác. Nếu có tình trạng nộp chậm hoặc nợ phí, thì sẽ do người nằm viện và người ký giấy này cùng chịu trách nhiệm chi trả.

三、 若為自急診接受手術後住院，因有部分急診費用（如血品材料費等）因仍在手術進行中未及結清，將於辦理出院時一併處理。

III. Nếu là đến viện cấp cứu xong chuyển sang phẫu thuật và nằm viện, mà có một bộ phận chi phí cấp cứu (như chi phí tiếp máu…) chưa kịp thanh toán do vẫn đang tiến hành phẫu thuật, thì đến khi làm thủ tục ra viện sẽ thanh toán cả thể.

四、 按醫療法第 75 條第 3 項規定，病人經診治並依醫囑通知可出院時，應即辦理出院或轉院。若執意留院者，須經診治醫師同意，並依全民健康保險法第 41 條規定健保不予給付繼續住院費用，改以自費身分負擔全部醫療費用。

IV. Mục 3 điều 75 của Luật Y tế có quy định: Khi người bệnh đã được bệnh viện điều trị và cho phép ra viện, thì cần làm thủ tục ra viện hoặc chuyển viện; nếu cố tình ở lại bệnh viện, thì phải được sự đồng ý của bác sỹ, và theo quy định tại điều 51-Luật Bảo hiểm Y tế toàn dân, Bảo hiểm Y tế sẽ không chi trả chi phí cho khoảng thời gian nằm viện thêm đó, mà bệnh nhân sẽ phải tự chịu toàn bộ các chi phí liên quan.

五、 瞭解全民健保規定須自付之部分負擔比率：住院日數 30 日內須負擔 10%(上限 36000 元)；住院第 31-60 日須負擔 20%(無上限)；61 日以上須負擔 30%(無上限)之總醫療費用。

V. Đã nắm rõ tỷ lệ chi phí tự túc theo quy định của Bảo hiểm Y tế là: Nằm viện không quá 30 ngày thì phải tự chịu 10% tổng chi phí (nhiều nhất là 36000 Đài tệ); nằm viện từ ngày thứ 31~ 60 thì phải tự chịu 20% (không hạn chế mức cao nhất); nằm viện từ ngày thứ 61 trở lên thì phải tự chịu 30% (không hạn chế mức cao nhất).

六、 同意入住下表勾選病房等級，並按照病房等級及價格表繳費：簽名：_____

VI. Đồng ý nằm giường bệnh loại dưới đây, đồng thời trả chi phí theo đúng loại và giá giường bệnh: Ký tên_____

安排您入住的病房等級是： Loại giường bệnh:			健保病友 Bệnh nhân có Bảo hiểm Y tế				自費病友 Bệnh nhân tự túc chi phí
			每日應補之病房費差額(元) Mức tiền chênh lệch phải bù mỗi ngày (Đài tệ)	每日應付(元) (含護理費及醫師診察費) Số tiền phải nộp/ngày (Đài tệ) (Gồm chi phí hộ lý và thăm khám)			每日應付(元) (含護理費及醫師診察費) Số tiền phải nộp/ngày (Đài tệ) (Gồm chi phí hộ lý và thăm khám)
				1- 30 日(10%) 1-30 ngày (10%)	31-60 日(20%) 31-60 ngày (20%)	61 日以上(30%) Từ 61 ngày trở lên (30%)	
	特甲 A Đặc biệt AA	東址(單人) Khu Đông (một giường)	8,000	172	344	516	10,333
	特甲一 Đặc biệt A1	東址(單人) Khu Đông (một giường)	7,000	172	344	516	9,333
	特甲三 Đặc biệt A3	東址(單人) Khu Đông (một giường)	5,000	172	344	516	7,333
	特乙一 Đặc biệt B1	東址/西址/兒醫(單人) Khu Đông/ khu Tây/ khu Nhi (một giường)	3,600	172	344	516	5,933
	特乙二 Đặc biệt B2	復健 2 間/腫瘤 1 間(單人) phục hồi chức năng 2 phòng / u bướu 1 phòng	2,080	172	344	516	4,413
	頭等一 Hạng nhất 1	東址/西址/兒醫(雙人) Khu Đông/ khu Tây/ khu Nhi (hai giường)	1,600	172	344	516	3,933
	產特甲一 Sản đặc biệt A1	兒醫大樓產科(單人) Khoa sản khu Nhi(một giường)	8,000	172	344	516	10,333
	產特甲二 Sản đặc biệt A2	兒醫大樓產科(單人) Khoa sản khu Nhi(một giường)	6,000	172	344	516	8,333
	產特乙一 Sản đặc biệt B1	兒醫大樓產科(單人) Khoa sản khu Nhi(một giường)	4,500	172	344	516	6,833
	產頭等一 Sản hạng nhất 1	兒醫大樓產科(雙人) Khoa sản khu Nhi(một giường)	2,500	172	344	516	4,833
	健保床 Giường Bảo hiểm	東址/西址/兒醫(健保床) Khu Đông/ khu Tây/ khu Nhi (giường bảo hiểm	—	172	344	516	3,933 (含以下) Từ 3.933 trở xuống

（備註：1. 六歲以下自費病友之護理費及醫師診察費需比照健保加成另計。2. 國際醫療病友按自費病友收費加成 1. 3 倍計算）

(Ghi chú: 1. Bệnh nhân tự túc dưới 6 tuổi sẽ phải nộp thêm chi phí hộ lý và thăm khám theo diện có Bảo hiểm Y tế. 2.Bệnh nhân người nước ngoài sẽ phải nộp chi phí bằng 1.3 lần so với bệnh nhân tự túc).

七、 本院**不同性別病患**原則不入住同一病室，兒科病患或病患因有親屬關係特別要求者不在此限；但有特殊情況時，應獲病人同意後調配病房。

VII. Về nguyên tắc, **giới tính khác nhau giữa bệnh nhân** sẽ không được thu xếp ở cùng một phòng bệnh, nhưng nếu là bệnh nhân nhỏ tuổi hoặc các bệnh nhân là người nhà mà xin ở cùng nhau, thì có thể thu xếp; nhưng nếu có tình trạng đặc biệt, bệnh viện sẽ điều chỉnh phòng bệnh sau khi được sự đồng ý của bệnh nhân.

八、 如有訪客，☐**願意** ☐**不願意** 公開床位資料，以供親友來院探訪時查詢。

VIII. Nếu có khách đến thăm, người **nằm** viện ☐**Đồng ý** ☐**Không đồng ý** công khai thông tin về giường bệnh cho khách đến bệnh viện tra cứu.

九、 若有爭訟，雙方合意以台灣台北地方法院為第一審管轄法院。

IX. Nếu có tranh chấp liên quan, hai bên đồng ý lấy Tòa án địa phương Đài Bắc làm tòa xét xử sơ thẩm.

此致　　國立台灣大學醫學院附設醫院

Kính gửi　Bệnh viện Đại học Y Đài Loan

立同意書人：_____簽章

Người ký giấy:_____ (ký/đóng dấu)

與住院人關係：□本人 □親友，關係_____

Mối quan hệ với người nằm viện: □Bản thân □Người thân, cụ thể là:_____

出生年月日：　　年　　月　　日

Ngày tháng năm sinh: ngày　　tháng　　năm

身分證字號：

Số CMND:

聯絡電話：

Điện thoại:

戶籍地址：

Hộ khẩu thường trú

現住地址：

Nơi ở hiện tại:

緊急聯絡人

Người liên hệ khi khẩn cấp：_____

關係 Quan hệ：_____

聯絡電話 Điện thoại:

聯絡地址 Nơi ở hiện tại:

標籤黏貼處

Nơi dán nhãn/phiếu

1. **如住院人為未成年或禁治產人，須由其法定代理人簽具。**
   Nếu người nằm viện là người chưa thành niên hoặc người bị cấm sở hữu tài sản, thì phải do người đại diện hợp pháp ký giấy.
2. **如住院人無識別能力，須由其配偶或最近親等之親屬簽具。**
   Nếu người nằm viện không có khả năng nhận biết, thì cần do hôn phối hoặc người nhà có quan hệ ruột thịt gần nhất ký giấy.